

**BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH**

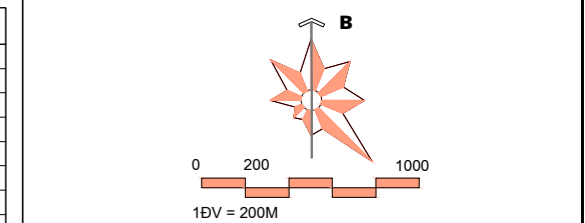
STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (ha)		SỐ SÁNH
			Theo QH được duyệt	Theo điều chỉnh cục bộ	
*	<b>TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT</b>		<b>12965,99</b>	<b>12965,99</b>	
<b>A</b>	<b>ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ</b>		<b>640,82</b>	<b>641,19</b>	<b>0,37</b>
I	ĐẤT DẪN DUNG HIỆN TRẠNG		163,39	163,39	
II	ĐẤT DẪN DUNG MỚI		33,18	33,18	
III	ĐẤT NGOÀI DẪN DUNG		310,15	310,52	0,37
1	Đất công cộng	HC, CQ	27,25	27,25	
2	Đất trường THPT, Dạy nghề	TH, GD	1,93	1,93	
3	Đất y tế, bệnh viện	BV	0,68	0,68	
4	Đất công trình hỗn hợp (DV thương mại, Đất ở, công cộng)	HH	36,04	36,04	
5	Đất công nghiệp - TTCN		15,00	15,00	
6	Đất dịch vụ thương mại	DVTM	3,41	3,41	
7	Đất di tích, tôn giáo, tín ngưỡng	TN	12,08	12,08	
8	Đất du lịch công đồng		3,10	3,10	
9	Đất Quán sù		53,12	53,12	
10	Đất công trình đầu mối, hạ tầng kỹ thuật		23,60	23,97	0,37
10.1	Đất bến xe	BX	0,57	0,57	
10.2	Đất nhà máy cấp nước	XLCN	1,20	1,20	
10.3	Đất trạm xử lý nước thải	XLNT	0,24	0,24	
10.4	Trạm trung chuyển rác	R	0,33	0,33	
10.5	Nghĩa trang	NT	19,59	19,59	
10.6	Đất công trình thủy lợi, Thủy điện Tản Tản		1,67	2,04	
	<i>khu vực nhà máy thủy điện</i>	NMTĐ	0,56	0,93	0,37
	<i>khu vực đập thủy điện</i>	D-TĐ	0,95	0,95	
	<i>giao thông vào nhà máy</i>		0,16	0,16	
11	Đất cây xanh, TDĐT		133,94	133,94	
IV	ĐẤT GIAO THÔNG		134,10	134,10	
<b>B</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>		<b>12325,17</b>	<b>12324,80</b>	<b>-0,37</b>
I	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	SXNN	656,83	656,46	-0,37
II	ĐẤT DỰ PHÒNG PHÁT TRIỂN	DPPT	29,37	29,37	
III	MẶT NƯỚC		142,33	142,33	
IV	ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ	CNC	6040,94	6040,94	
V	ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT		5455,70	5455,70	

**BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH**

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (ha)		SỐ SÁNH
			Theo QH được duyệt	Theo điều chỉnh cục bộ	
*	<b>TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT</b>		<b>12965,99</b>	<b>12965,99</b>	
<b>A</b>	<b>ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ</b>		<b>640,82</b>	<b>641,19</b>	<b>0,37</b>
I	ĐẤT DẪN DUNG HIỆN TRẠNG		163,39	163,39	
II	ĐẤT DẪN DUNG MỚI		33,18	33,18	
III	ĐẤT NGOÀI DẪN DUNG		310,15	310,52	0,37
IV	ĐẤT GIAO THÔNG		134,10	134,10	
<b>B</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>		<b>12325,17</b>	<b>12324,80</b>	<b>-0,37</b>
I	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	SXNN	656,83	656,46	-0,37
II	ĐẤT DỰ PHÒNG PHÁT TRIỂN	DPPT	29,37	29,37	
III	MẶT NƯỚC		142,33	142,33	
IV	ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ	CNC	6040,94	6040,94	
V	ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT		5455,70	5455,70	

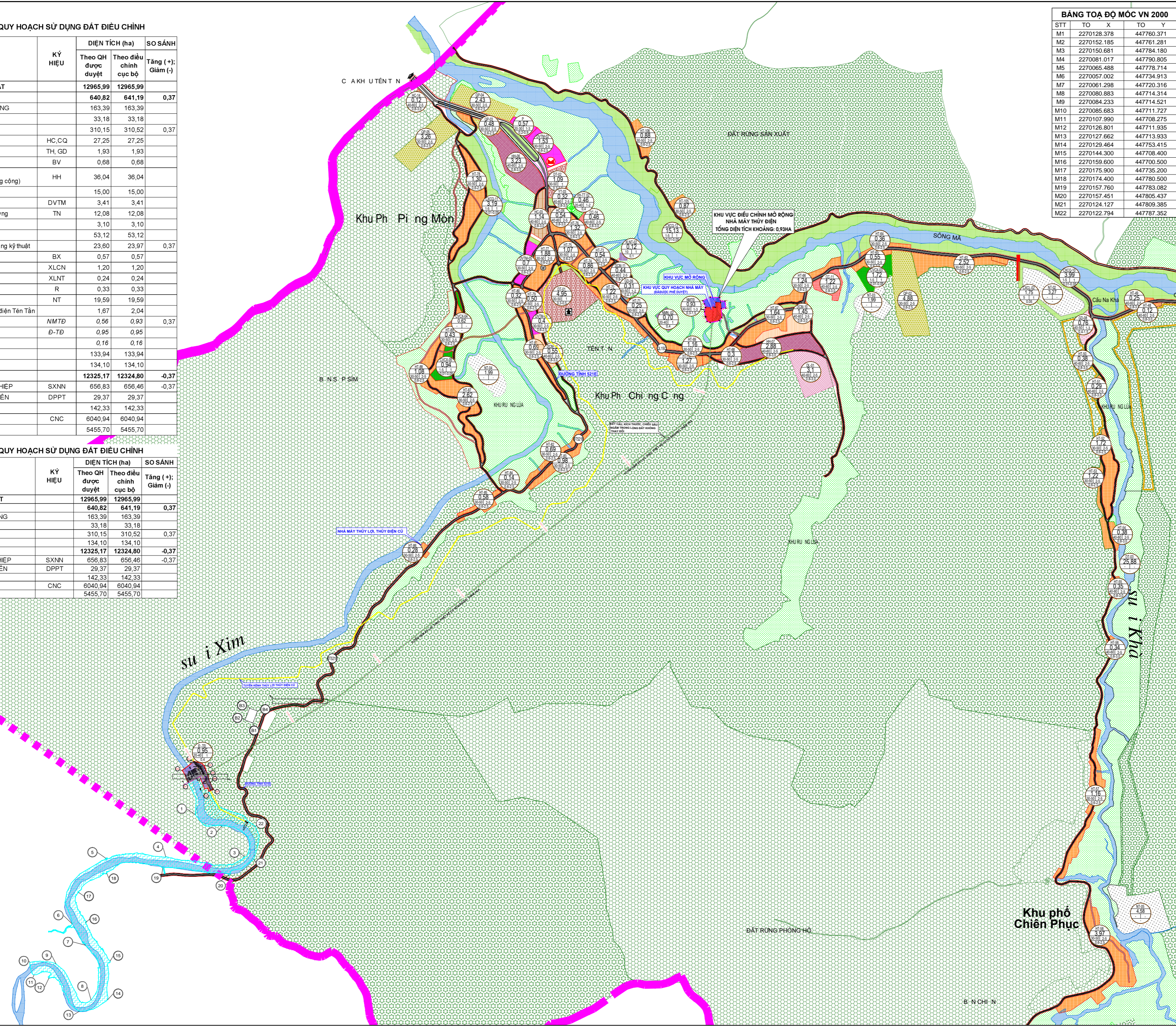
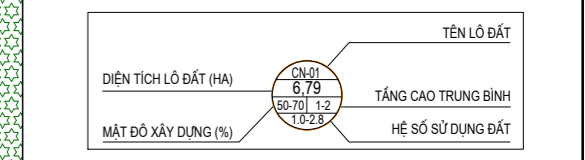
**BẢNG TOA ĐỘ MỐC VN 2000**

STT	TO X	TO Y
M1	2270128.378	447760.371
M2	2270152.185	447761.281
M3	2270150.681	447784.180
M4	2270081.017	447790.805
M5	2270065.488	447778.714
M6	2270057.002	447734.913
M7	2270061.298	447720.316
M8	2270080.883	447714.314
M9	2270084.233	447714.521
M10	2270085.683	447711.727
M11	2270107.990	447708.275
M12	2270126.801	447711.935
M13	2270127.662	447713.933
M14	2270129.464	447753.415
M15	2270144.300	447708.400
M16	2270159.600	447700.500
M17	2270175.900	447735.200
M18	2270174.400	447780.500
M19	2270157.760	447783.082
M20	2270157.451	447805.437
M21	2270124.127	447809.385
M22	2270122.794	447787.352



**CHÚ THÍCH:**

STT	KÝ HIỆU	LOẠI ĐẤT
1	[Symbol]	ĐẤT HÀNH CHÍNH
2	[Symbol]	ĐẤT CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở
3	[Symbol]	ĐẤT CƠ QUAN, TRỤ SỞ DOANH NGHIỆP
4	[Symbol]	ĐẤT TRUNG TÂM GIÁO DỤC, PTHH
5	[Symbol]	ĐẤT GIÁO DỤC ĐÔ THỊ
6	[Symbol]	ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
7	[Symbol]	ĐẤT CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
8	[Symbol]	ĐẤT CÔNG TRÌNH THỂ DỤC THỂ THAO
9	[Symbol]	ĐẤT Y TẾ
10	[Symbol]	ĐẤT CHỢ
11	[Symbol]	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
12	[Symbol]	ĐẤT HỒN HỢP (DV THƯƠNG MẠI, ĐẤT Ở, CÔNG CỘNG, CV CÂY XANH...)
13	[Symbol]	ĐẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN
14	[Symbol]	ĐẤT QUẢNG TRƯỜNG
15	[Symbol]	ĐẤT CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI HTKT
16	[Symbol]	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG CẢI TẠO, XEN CỤ
17	[Symbol]	ĐẤT Ở TÀI ĐỊNH CỤ
18	[Symbol]	ĐẤT PHÁT TRIỂN MỚI
19	[Symbol]	ĐẤT SINH THÁI
20	[Symbol]	ĐẤT DU LỊCH
21	[Symbol]	ĐẤT KHUÔN VIÊN CÂY XANH, CÔNG VIÊN
22	[Symbol]	ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN
23	[Symbol]	ĐẤT AN NINH, QUỐC PHÒNG
24	[Symbol]	ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
25	[Symbol]	ĐẤT SX CÔNG NGHIỆP
26	[Symbol]	ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
27	[Symbol]	ĐẤT NGHĨA TRANG TẬP TRUNG
28	[Symbol]	ĐẤT GIAO THÔNG
29	[Symbol]	NHÀ MÁY NƯỚC
30	[Symbol]	KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI
31	[Symbol]	RANH GIỚI XÃ
32	[Symbol]	RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
33	[Symbol]	RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH
34	[Symbol]	PHẠM VI ĐƠN VỊ Ở



**CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG LÁT**  
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: /QB-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2025

**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:**  
**PHÒNG KINH TẾ XÃ MƯỜNG LÁT**  
 KÈM THEO VẤN BẢN SỐ: /VB-KT NGÀY THÁNG NĂM 2025

**CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:**  
**TRUNG TÂM CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG XÃ MƯỜNG LÁT**  
 KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: /TTR-TTCUDV/C, NGÀY THÁNG NĂM 2025

**CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:**  
**ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH KHU VỰC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TẢN TẢN, XÃ MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA**

TÊN BẢN VẼ:  
**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH**

BẢN VẼ: QH-02 | GHÉP: 1A0 | TỶ LỆ: 1/5000 | NGÀY: .../.../2025

THỂ HIỆN: KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN  
 THIẾT KẾ: KTS. BÙI ANH THỊNH  
 CHỦ TRÌ: KTS. HÀ HÙNG CƯỜNG  
 Q.L. KỸ THUẬT: K.S. NGUYỄN VĂN DƯƠNG

GIÁM ĐỐC: K.S. NGUYỄN VĂN DƯƠNG

**ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DELTA**  
 ĐỊA CHỈ: SN 136 ĐƯỜNG 1H18, PHỐ HOÀNG LỘC, XÃ HOÀNG HÒA - TỈNH THANH HÓA  
 TEL: 0237.717.555; FAX: 0237.943.886; EMAIL: CTD.XDDELTA@GMAIL.COM